

Tạp chí Khoa học và Công nghệ Biển; Tập 18, Số 2; 2018: 113-123
DOI: 10.15625/1859-3097/18/2/9132
<http://www.vjs.ac.vn/index.php/jmst>

TÀI NGUYÊN VỊ THỂ CỤM ĐẢO THỎ CHU, PHÍA NAM VIỆT NAM

Nguyễn Đắc Vệ*, Trần Đức Thạnh, Trần Đình Lân,
Bùi Văn Vượng, Nguyễn Thị Minh Huyền

Viện Tài nguyên và Môi trường biển, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

*E-mail: vend@imer.vast.vn

Ngày nhận bài: 6-1-2017 / Ngày chấp nhận đăng: 16-3-2017

TÓM TẮT: Nằm ở gần trung tâm vịnh Thái Lan, cụm đảo Thỏ Chu cách mũi Cà Mau khoảng 160 km về phía tây nam, cách đảo Phú Quốc khoảng 100 km về phía tây bắc. Cụm đảo gồm 8 hòn, lớn nhất là đảo Thỏ Chu rộng 12,15 km², cao 167 m, cấu tạo từ đá trầm tích vụn thô. Mặc dù là cụm đảo ven bờ xa bờ nhất của Việt Nam ở vịnh Thái Lan, nhưng các đặc điểm về cấu tạo địa chất, hình thể và cấu trúc không gian, diện tích, độ cao và cảnh quan sinh thái; động lực và tính ổn định của các quá trình tự nhiên, ... đã tạo ra giá trị lớn về tài nguyên địa-tự nhiên và môi trường sinh cư thuận lợi cho cụm đảo. Về giá trị tài nguyên vị thế địa-kinh tế, cụm đảo thuộc huyện Phú Quốc, nhưng hội tụ đủ các điều kiện trở thành đơn vị hành chính cấp huyện, thuộc tỉnh Kiên Giang. Đây là vị trí ưu tiên đối với phát triển kinh tế biển-đảo của đất nước, là địa bàn tiềm năng lớn phát triển các lĩnh vực kinh tế biển như thủy sản, bảo tồn thiên nhiên, du lịch và các dịch vụ quan trọng khác như khai thác dầu khí, hàng hải và tìm kiếm-cứu nạn trên biển. Về giá trị tài nguyên vị thế địa-chính trị, cụm đảo có Hòn Nhạn là điểm cơ sở A1 có giá trị vô cùng to lớn về chủ quyền, quyền chủ quyền và lợi ích quốc gia trên vịnh Thái Lan. Nằm trong vùng địa-chính trị nhạy cảm cao, cụm đảo có giá trị lớn về phòng thủ, có thể phát triển thành một cụm cứ điểm quân sự vững chắc, góp phần bảo vệ Tổ quốc và đảm bảo an ninh trên biển.

Từ khóa: Cụm đảo Thỏ Chu, tài nguyên vị thế, vị thế địa-tự nhiên, vị thế địa-kinh tế, vị thế địa-chính trị.

MỞ ĐẦU

Tài nguyên vị thế là “những lợi ích có được từ vị trí địa lý và các thuộc tính về cấu trúc, hình thể sơn văn và cảnh quan, sinh thái của một khu vực, có giá trị sử dụng cho các mục đích phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng và chủ quyền quốc gia” [1]. Nó bao gồm các nhóm giá trị: địa-tự nhiên, địa-kinh tế và địa-chính trị, mà sự kết hợp giữa chúng tạo nên lợi ích tổng hợp cho phát triển kinh tế - xã hội của một lãnh thổ [2]. Tài nguyên vị thế đã được nghiên cứu tổng quan [3] và cho các đối tượng cụ thể như hệ thống cửa sông [4, 5], ven bờ [6], hệ thống các đảo [7, 8].

Cụm đảo Thỏ Chu thuộc tỉnh Kiên Giang, bao gồm 8 hòn đảo lớn nhỏ nằm gần trung tâm

vịnh Thái Lan. Đây là một cụm đảo ven bờ nằm ở vùng biển Tây Nam của Tổ Quốc, có tiềm năng lớn đối với phát triển kinh tế, đảm bảo an ninh và chủ quyền quốc gia trên biển. Bài viết này trình bày về tài nguyên vị thế của cụm đảo dựa trên kết quả điều tra, nghiên cứu của đề tài cấp nhà nước KC.09.08/11-15 “Lượng giá kinh tế các hệ sinh thái biển - đảo tiêu biểu phục vụ phát triển bền vững một số đảo tiền tiêu ở vùng biển ven bờ Việt Nam”.

GIÁ TRỊ VỊ THẾ ĐỊA TỰ NHIÊN

Vị trí địa lý. Cụm đảo Thỏ Chu gồm 8 đảo lớn nhỏ, nằm tại vùng biển Tây Nam Việt Nam, thuộc vịnh Thái Lan. Đảo Thỏ Chu lớn nhất trong cụm, có tọa độ 9°18'10"B và

103°12'42"Đ, trên các hải đồ của người phương Tây từ các thế kỷ trước thường được

ghi tên là Poulo Panjang, gốc từ tiếng Mã Lai nghĩa là “cù lao dài” hoặc “đảo dài” (hình 1).



Hình 1. Vị trí đảo Thổ Chu (Poulo Panjang) trong vịnh Thái Lan [9]

Vịnh Thái Lan rộng khoảng 320.000 km² được bao bọc bởi 4 quốc gia gồm Malaysia, Thái Lan, Campuchia và Việt Nam. Đỉnh phía bắc vịnh là vùng cửa sông Chao Phraya, gần Băng Cốc, đường đóng cửa vịnh được nối từ mũi Cà Mau tới thành phố Kota Bharu thuộc bờ Malaysia. Các đảo trên vịnh tập trung ở phần sát bờ phía đông, trong đó thuộc vùng biển Việt Nam có khoảng 165 hòn lớn nhỏ với tổng diện tích 693,47 km² [10], tiêu biểu là đảo Phú Quốc, đảo An Thới, cụm Thổ Chu, cụm đảo Hải Tặc, đảo Phú Dự, đảo Nam Du... Trừ một số đảo có diện tích đáng kể như Phú Quốc (567 km²), Phú Dự (25 km²), Thổ Chu (12 km²), Hòn Dứa (6 km²),... phần lớn các đảo có diện tích rất nhỏ, từ vài trăm mét vuông đến (1 - 2 km²). Cụm đảo Thổ Chu, nằm xa bờ nhất trong vịnh, được xem là các đảo ở cực tây nam (TN) của Việt Nam, cách đảo Phú Quốc khoảng 100 km về phía tây bắc (TB), cách bờ Rạch Giá 190 km về phía TB, cách mũi Cà Mau khoảng 160 km về phía TN và cách bờ bán đảo Mã Lai 340 km về phía đông nam (ĐN) [10].

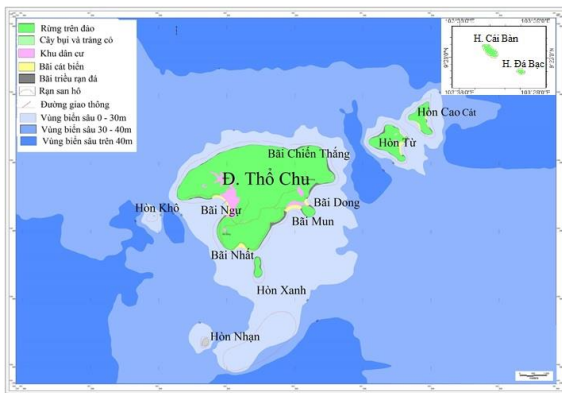
Hình thể và cấu trúc không gian

Diện tích và hình dáng các đảo. Cụm đảo có tổng diện tích khoảng 13,7 km², lớn nhất là đảo Thổ Chu 12,15 km² và nhỏ nhất là Hòn Khô chỉ khoảng 15 m² (bảng 1 và hình 2). Độ cao có mối tương quan nhất định với diện tích các đảo, đảo Thổ Chu cao phổ biến 100 - 150, cao nhất 167 m. Ba đảo (Hòn Xanh, hòn Cao Cát, Hòn Từ) với diện tích khoảng 0,1 - 1 km² có độ cao nằm trong khoảng 40 - 60 m. Ba hòn đảo còn lại (Hòn Nhạn, Hòn Khô và hòn Cái Bàn) với diện tích dưới 0,1 km² có độ cao từ một vài mét đến dưới 25 m. Các đảo nằm cách đảo Thổ Chu gần nhất 3 km về hướng tây (Hòn Khô) và xa nhất 18 km về hướng ĐB (hòn Cái Bàn). So với toàn hệ thống đảo ven bờ Việt Nam (2.773 hòn và diện tích 1.721 km²), cụm đảo Thổ Chu có 8 hòn (0,29%) và tổng diện tích 13,7 km² (0,8%). Phân loại theo kích thước [10], cụm đảo có 1 đảo thuộc nhóm đảo trung bình (trong tổng số 22 hòn có diện tích >10 - 100 km²); không có đảo nhỏ; có 6 hòn đảo rất nhỏ (> 0,01 - 1,0 km²) và 1 hòn cực nhỏ (≤ 0,01 km²).

Bảng 1. Một số đặc điểm hình thái của các đảo trong cụm Thổ Chu

STT	Tên đảo	Diện tích đảo (km ²)	Độ cao đảo (m)	Khoảng cách tới đảo Thổ Chu (km)	Hướng (so với đảo Thổ Chu)
1	Thổ Chu	12,154	167	0	
2	Hòn Tù	0,843	60	5	ĐB
3	Hòn Cao Cát	0,357	45	7	ĐB
4	Hòn Xanh (hòn Kèo Ngựa)	0,200	41	2,5	ĐNB
5	Hòn Cái Bàn (Hòn Mỏ)	0,093	-	18	ĐB
6	Hòn Nhạn (Hòn Chim, Hòn Hàng)	0,065	25	6	TN
7	Hòn Đá Bạc	0,027	-	17	ĐB
8	Hòn Khô	15 m ²	1	3	T

Nguồn: Số liệu được tính toán trên ảnh vệ tinh Landsat8 chụp ngày 27/12/2013.



Hình 2. Hiện trạng tự nhiên cụm đảo Thổ Chu

Đảo Thổ Chu (hình 3) bề mặt khá thoải, nhìn xa như một chiếc mâm khổng lồ nhỏ trên mặt biển, do cấu tạo từ các lớp đá trầm tích nằm ngang. Hòn Tù cũng có dạng mâm, bờ vách dốc tương tự Thổ Chu, hòn Cao Cát dạng đồi rất thoải, Hòn Xanh dạng đồi hình nón với sườn khá dốc. Hòn Nhạn, hòn Đá Bạc và Hòn Khô là những đảo đá trơ trọi. Trừ Hòn Khô cực nhỏ nằm ở phía tây đảo Thổ Chu, 6 hòn còn lại gần như nằm trên một khối nâng hẹp dạng tuyến, nằm sát bờ phía ĐN đảo Thổ Chu.



Hình 3. Toàn cảnh đảo Thổ Chu dạng bàn

Bờ, vách và bãi biển ven đảo. Hình thái bờ các đảo không quá phức tạp, gồm các dạng cơ bản

là bờ đá - vách đá, thềm mài mòn (bãi triều rạn đá), bãi cát biển và thềm tích tụ biển và vùng biển. Tổng diện tích vùng triều ven cụm đảo 78,23 ha, bao gồm bãi cát biển 34,23 ha và bãi triều rạn đá 44 ha.

Vách bờ đảo thường đi cùng thềm mài mòn chiếm phần lớn chiều dài bờ các đảo, được hình thành do tác động mài mòn trực tiếp của sóng biển, cao đến trên chục mét như phía bờ phía TB đảo Thổ Chu. Nhiều nơi, vách bờ thẳng dốc đứng và thềm mài mòn rất hẹp có thể từ nguồn gốc vách kiến tạo (hình 4). Vách bờ đảo dốc và thềm mài mòn hẹp gây khó khăn cho tiếp cận đảo, nhưng lại có ý nghĩa rất lớn đối với phòng thủ và bảo vệ đảo trong điều kiện xa bờ và lực lượng tại chỗ hạn chế.



Hình 4. Vách dốc đứng lộ đá gốc phân lớp nằm ngang, thềm mài mòn và rừng xanh tốt ở bờ TN Hòn Tù

Bãi cát biển ven các đảo thường nằm ở cung bờ lõm, đi kèm phía sau là thềm biển tích tụ cao 4 - 6 m hoặc 2 - 3 m, mặc dù phân bố hạn chế hơn, nhưng khá điển hình ở đảo Thổ Chu, Hòn Tù và hòn Cao Cát; có mặt tại Hòn Xanh và hòn Cái Bàn; hoàn toàn vắng mặt ở

những hòn cực nhỏ như Hòn Nhạn, Hòn Khô và hòn Đá Bạc.

Tại đảo Thổ Chu, Bãi Ngự (hình 5) nằm tại vụng Bến Ngự ở bờ phía tây, dài khoảng 750 m, rộng 15 - 25 m, phía sau bãi là thềm cát biển cao 4 - 5 m. Bãi Mun dài khoảng 350 m, rộng 15 - 30 m, nhỏ và hẹp hơn Bãi Ngự, nằm ở bờ phía ĐN, trên bờ một vụng nhỏ. Bãi Dong dài khoảng 140 m, rộng khoảng 20 m nhỏ và hẹp, cùng nằm ở bờ phía ĐN đảo, phân cách với Bãi Mun ở phía TN qua một mũi nhô đá góc. Hai bãi này tạo ra một tích tụ nổi đảo cổ dạng yên ngựa nối với mũi nhô đá góc. Ngoài ra, tại phía cực nam đảo Thổ Chu còn có Bãi Nhất, dài khoảng 100 m. Trên các hòn vệ tinh của Thổ Chu, đáng kể có bãi Hòn Tù, nằm ở phía đông đảo này, dài 250 m, rộng 25 - 30 m.



Hình 5. Vụng Bến Ngự và Bãi Ngự ở phía TN đảo Thổ Chu

Bãi cát biển và thềm biển đi kèm có giá trị vị thế tự nhiên lớn, mang lại lợi ích dễ tiếp cận vào đảo, là nơi định cư sinh (mặt bằng, nước giếng sinh hoạt...) và cơ sở xây dựng hạ tầng tại đảo, đặc biệt là nơi đổ bộ khi có các hoạt động tác chiến. Trong trận quyết chiến diệt bọn xâm lược Pôn Pốt vào các ngày 24 - 27/5/1975, lực lượng ta đã bí mật đổ bộ tập kết lên bãi biển hòn Cao Cát, sau đó đổ bộ tấn công mũi chính lên Bãi Ngự và đồng loạt tại các Bãi Mun, Bãi Dong và Bãi Nhất để giải phóng đảo Thổ Chu¹.

¹Hà Thành, 2009. Cụm đảo Thổ Chu và trận chiến giải phóng đảo. Báo Quân đội Nhân dân. Thứ Hai, ngày 27/4/2009.

Vùng biển ven đảo. Vùng nước bao quanh cụm đảo Thổ Chu tới độ sâu 30 m rộng khoảng 4.427,4 ha, bao gồm ven đảo Thổ Chu và Hòn Xanh 3.771 ha; ven Hòn Nhạn 77,06 ha; ven Hòn Khô 54,14 ha; ven Hòn Cao và Hòn Tù 525,2 ha [11].

Trong vùng nước này, tại đảo Thổ Chu có một số vụng nhỏ nằm ở bờ phía TN và ĐN là nơi tàu thuyền trú đậu tránh gió bão và thường có kèm bãi cát biển, là nơi tiếp cận lên đảo thuận lợi. Vụng Bến Ngự có cấu trúc nửa kín, độ sâu tới 10 m, được tạo ra nhờ hai mũi nhô đá góc, là nơi neo trú chính của cụm đảo (nhưng không thích hợp vào mùa gió Tây Nam), là bến chính đã có cầu cảng và là nơi tập trung dân cư. Vụng Mun ở phía ĐN Thổ Chu, sâu tới 8 m, hiện đã có mộ cầu bến nhỏ, là nơi neo đậu và trú tránh gió bão luân đổi vào mùa gió Tây Nam. Vụng Dong nằm ở phía ĐB và ngăn cách với vụng Mun qua một mũi nhô, có thể hỗ trợ neo trú cho vụng Mun khi sóng, gió hướng TN và nam mạnh.

Địa hình đáy biển gần sát bờ đảo thường khá dốc, sau đó thoải dần đều ra đến độ sâu khoảng 20 - 30 m, với nền trầm tích đáy phổ biến là cát chứa bùn sét và cuội sạn, cát chứa cuội sạn thường phân bố ở sát ven các đảo [12].

Trên nền địa hình đáy đến độ sâu 30 m có mặt các đồi ngầm và rãnh ngầm. Các đồi ngầm ở độ sâu trung bình 16 - 25 m, trầm tích bề mặt phổ biến cát chứa cuội sạn phổ biến ở phần phía nam và hạn chế hơn ở phần phía ĐB và TN cụm đảo. Các rãnh ngầm có trục diện ngang hình chữ V, sâu nhất đến 96 m, mặt đáy là trầm tích bùn sét. Rãnh phía ĐB nằm phân cách giữa đảo Thổ Chu và hòn Tù, dài 4 km, hướng ĐB-TN, rộng trung bình 0,8 - 1 km, sâu trung bình 50 - 60 m, sâu nhất 96 m. Rãnh phía TN nằm phân cách giữa đảo Thổ Chu và Hòn Khô, hướng ĐB-TN, dài khoảng 2,5 km, rộng 0,5 - 1 km, sâu trung bình 40 - 50 m, sâu nhất 60 m [12]. Tổng diện tích vùng nước bao quanh cụm đảo Thổ Chu trong khoảng độ sâu 30 - 40 m khoảng 19.200 ha [11], nền đáy phổ biến cát chứa bùn sét.

Cấu tạo địa chất. Các đảo thuộc cụm đảo đều được cấu tạo từ các đá trầm tích cát kết, xen ít bột kết và sạn sỏi kết. Phân lớp trầm tích gần như nằm ngang ở đảo Thổ Chu, uốn lượn nhẹ theo trục đường phương hướng bắc - nam, tạo

nên góc dốc nghiêng thoải, thường 10 - 15° và không vượt quá 20° ở các đảo khác. Ở các hòn Cái Bàn, hòn Đá Bạc và Hòn Xanh, hướng dốc phân lớp về phía tây; ở hòn Nhạn hướng TTB; hòn Cao Cát và Hòn Từ hướng đông.

Theo Saurin, E., (1951), trầm tích ở cụm đảo Thổ Chu thuộc “cát kết thượng” (Jura - Creta). Fontaine, H., (1967) công bố phát hiện các hoá thạch thân gỗ silic hoá và cho rằng những cát kết ở Thổ Chu tương đương phần trên của loại Khorat, có tuổi Jura [13]. Trên bản đồ địa chất Việt Nam tỷ lệ 1:500.000 [14], chúng được xếp vào hệ tầng Phú Quốc, tuổi Jura không chia (J *pq*). Trên tờ bản đồ địa chất tỷ lệ 1:200.000 các trầm tích hệ tầng Phú Quốc được xếp vào tuổi Creta sớm (K₁ *pq*) [15]. Bùi Phú Mỹ và nnk., (2002) [16] đã phát hiện một tập hợp hoá thạch phong phú và xác lập phân vị địa tầng mới là Hệ tầng Thổ Chu, tuổi Creta (K *tc*).

Nhờ có nền đá gốc vững chắc, bờ và các đảo trong cụm ổn định lâu dài về hình dạng và kích thước. Nền móng tốt nên có thể xây dựng các công trình ngầm để tránh thiên tai và phòng vệ. Trong điều kiện mưa nhiều, địa hình không dốc, đá cát kết, cuội sạn đã tạo vỏ phong hóa dày, trung bình 0,5 - 3 m thuận lợi cho phát triển lớp phủ thực vật. Đảo khá rộng, đá gốc có lỗ hổng, khe nứt, phân lớp giữ nước mưa tạo nguồn nước ngầm phong phú, thậm chí có nước dòng chảy bề mặt, thuận lợi cho dân sinh - kinh tế. Đá trên các đảo còn là nguồn vật liệu xây dựng quý, đặc biệt trường hợp khẩn cấp.

Động lực và tính ổn định. Trên bản đồ nguy hiểm động đất cho thời gian 950 năm, cụm đảo nằm trong khu vực ít nguy hiểm nhất, với chế độ động đất cấp VI-VII (MSK-64) [17]. Lớp phủ thực vật trên đảo khá tốt, khả năng xói mòn đất hạn chế, nên cần phải bảo vệ. Quá trình mài mòn bờ đảo đá gốc rất chậm, không gây biến động đáng kể. Tuy nhiên, các bãi biển có thể bị thu hẹp nếu mực biển dâng cao do biến đổi khí hậu.

Khí hậu khu vực cụm đảo khá ôn hòa, nóng ẩm quanh năm với nhiệt độ trung bình năm 27,2°C. Lượng mưa trung bình 3.001 mm/năm, số ngày mưa trung bình 171,3 ngày mưa/năm, tập trung vào mùa mưa từ tháng 4 đến tháng 11. Đây là vùng rất ít bão, trong 56 năm (1951 - 2007) chỉ có 17 cơn bão ở vịnh Thái Lan (vùng biển Việt Nam 343 cơn). Bão vào các tháng 10

- 12, thường không lớn, nhưng cũng có cơn bão rất lớn như bão Linda (1997). Vùng biển không có sương mù, nhưng nhiều đông, trung bình 56,6 ngày đông/năm, phân bố vào các tháng 3 - 11. Gió mùa TN có tốc độ (trung bình 3,5 - 7,8 m/s) mạnh hơn gió mùa ĐB (4,1 - 5,5 m/s). Vùng biển Thổ Chu có chế độ nhật triều, mực triều thiên văn cao nhất khoảng 100 cm và nhỏ nhất khoảng 50 cm. Sóng biển có độ cao trung bình 0,75 - 1,25 m. Sóng yếu mùa Đông và mùa Xuân, mạnh vào mùa Hè - mùa gió Tây Nam. Sóng mạnh nhất vào tháng 7 và 8, độ cao sóng lớn nhất trong năm 2,5 - 3 m, sóng lớn trong bão chu kỳ 20 năm là 4,5 m. Dòng chảy tổng hợp khi triều lên có hướng từ nam tới bắc, khi triều xuống thì ngược lại. Tốc độ dòng trung bình 10 - 20 cm/s, cực đại 60 cm/s. Dòng chảy gió trong mùa gió ĐB hướng về phía TB, mùa gió TN hướng về phía ĐN [18].

Đặc điểm địa hình bờ đảo và sự luân đổi hướng sóng, gió theo mùa ảnh hưởng lớn đến khả năng tiếp cận đảo và vị trí định cư dân trên đảo. Dân cư hiện tập trung tại Bãi Ngự, đến mùa gió Tây Nam, khoảng hơn 200 hộ tạm di dời sang Bãi Dong để bám sát các hoạt động dịch vụ hàng hóa và thủy sản theo bến và đến mùa gió Đông Bắc lại quay về Bãi Ngự.

GIÁ TRỊ VỊ THẾ ĐỊA-KINH TẾ

Vị trí ưu tiên đối với phát triển kinh tế biển-đảo của đất nước - không gian vươn xa của kinh tế Tây Nam Bộ trên vịnh Thái Lan. Cụm đảo Thổ Chu thuộc huyện Phú Quốc, Kiên Giang, được xác định là có tiềm năng phát triển kinh tế, đồng thời là căn cứ vững chắc để bảo đảm quốc phòng, an ninh, chủ quyền vùng biển, đảo Tây Nam của Tổ quốc. Cụm đảo có vị trí độc tôn gần giữa vịnh Thái Lan, hoàn toàn có điều kiện trở thành điểm sáng về an ninh quốc phòng và phát triển kinh tế. Cùng với thế mạnh đánh bắt và chế biến hải sản (đặc biệt là mực xuất khẩu), là sự phát triển của các ngành nghề kinh doanh dịch vụ: Tạp hóa, ngư lưới cụ, cơ sở hàn tiện, sửa chữa máy móc, dược phẩm, ăn uống giải khát,... nên đời sống của dân đảo không ngừng được cải thiện. Theo Quyết định số 186/QĐ-TTg ngày 24/1/2014 của Thủ tướng phê duyệt đề án xây dựng đảo thanh niên toàn quốc giai đoạn 2013 - 2020, Thổ Chu là một trong các đảo thanh niên, cùng với Đảo Trần

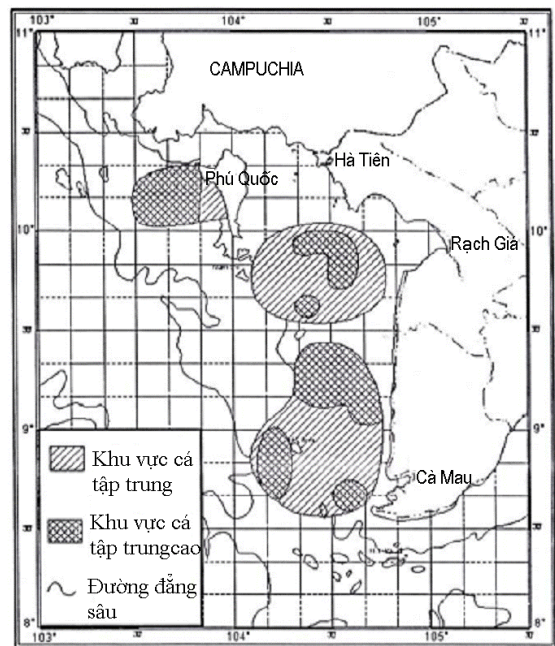
(Quảng Ninh), Bạch Long Vĩ (Hải Phòng), Côn Cỏ (Quảng Trị) và Hòn Chuối (Cà Mau). Các đảo thanh niên có định hướng chung: Quy hoạch, sắp xếp dân cư trên đảo; xây dựng cơ sở hạ tầng; phát triển các ngành nghề khai thác và nuôi trồng, chế biến hải sản, dịch vụ hậu cần nghề cá, phát triển du lịch, vận tải, kết hợp cứu hộ, cứu nạn trên biển; bảo vệ môi trường sinh thái; phát triển văn hóa, y tế, giáo dục; phối hợp, góp phần bảo vệ vững chắc biển đảo. Đảo Thổ Chu được nhấn mạnh về sắp xếp, ổn định dân cư tại chỗ, khai thác tiềm năng kinh tế biển, phát triển sản xuất kết hợp bảo đảm quốc phòng - an ninh vùng biển Tây Nam.

Khai thác hải sản và hậu cần nghề cá. Tổng trữ lượng cá nổi và cá tầng đáy ở vùng biển ven bờ Tây Nam Bộ thuộc vịnh Thái Lan (hình 6) khoảng 50,6 vạn tấn và khả năng khai thác 20,2 vạn tấn/năm [19], trong đó cá nổi chiếm khoảng 63% và cá tầng đáy chiếm khoảng 37% [20]. Vùng biển đảo Thổ Chu có tổng giá trị kinh tế đạt thấp nhất 565,24 tỷ đồng/năm (25,121 triệu USD/năm) và cao nhất là 4.098,44 tỷ đồng/năm (182 triệu USD/năm), trong đó nhóm giá trị sử dụng trực tiếp 62,86%, nhóm giá trị sử dụng gián tiếp 37,06%, nhóm giá trị phi sử dụng >1%. Tổng giá trị kinh tế thấp nhất ở Thổ Chu thấp hơn Bạch Long Vĩ (26,624 triệu USD/năm) và cao hơn Côn Cỏ (11,9 triệu USD/năm). Tuy nhiên, nếu quy về đơn vị diện tích 1 ha thì Thổ Chu 125,47 triệu đồng/1 ha/năm, thấp hơn so với Côn Cỏ (307 triệu đồng/1 ha/năm) và cao hơn so với vùng đảo Bạch Long Vĩ (94,3 triệu đồng/1 ha/năm) [11].

Tổng sản lượng khai thác hải sản vùng biển đảo Thổ Chu 40.809 tấn/năm, cho giá trị 631.820 triệu đồng/năm, trong đó từ hoạt động chế biến 5.040 triệu đồng/năm. Sản lượng các nhóm động vật đáy 566 tấn/năm cho giá trị 49.134,4 triệu đồng/năm; Sản lượng khai thác cá trên rạn san hô và rạn đá 605 tấn/năm, giá trị 41.392,2 triệu đồng/năm. Sản lượng cá vùng nước ven đảo 39.637 tấn/năm, giá trị 536.253,6 triệu đồng/năm.

Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Quyết định số 18/2009/QĐ-TTg về Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng biển và ven biển Việt Nam thuộc vịnh Thái Lan thời kỳ đến năm 2020. Cho đến năm 2014, có khoảng 50 -

100 thuyền khai thác nguồn lợi động vật đáy quanh đảo (tôm, cua, mực, hải sâm,...) bằng các nghề lặn, câu và lưới. Có khoảng 150 phương tiện từ nhiều địa phương khai thác nguồn lợi cá rạn với các nghề chính là: lặn, câu chày, câu bùa, câu giàn, lưới bao rạn với các đối tượng có giá trị kinh tế cao như: Mú, gáy, chình, thu,... Tham gia khai thác thủy sản đến độ sâu khoảng 30 m nước ven đảo có khoảng 150 tàu (50 tàu thuyền nhỏ <50 CV và 100 tàu lớn có công suất 150 - 300 CV).



Hình 6. Phân bố các bãi cá ở vùng biển Tây Nam Bộ [20]

Địa bàn thuận lợi phát triển kinh tế dịch vụ biển

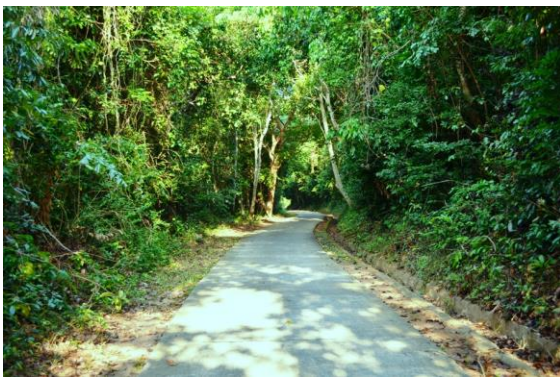
Dịch vụ dầu khí. Thổ Chu có tiềm năng phát triển du lịch dầu khí. Bể trầm tích dầu khí Mã Lai - Thổ Chu nằm ở phía bắc cụm đảo, kéo dài hướng TB-ĐN, có diện tích khoảng 100.000 km², bao gồm các lô 37 đến 44, 46, 48/95, 50, 51, B và 52/97, chứa khí nhiều hơn dầu và xếp thứ 4 về triển vọng và tiềm năng dầu khí của Việt Nam. Đã đưa vào khai thác các mỏ Cái Nước, Sông Đốc, PM-3CAA và chuẩn bị đưa vào khai thác các mỏ Hoa Mai, cụm mỏ Rạch Tàu - Phú Tân - Khánh Mỹ, Kim Long, Ác Quý, Cá Voi. Ngoài ra, đã phát hiện được dầu khí tại cấu tạo Bắc Kim Long [21].

Dịch vụ hàng hải. Nằm gần đường hải biên quốc tế Băng Cốc - Kông Pông Xom - Sài Gòn - Hồng Kông, Thổ Chu được xem là một vị trí chiến lược quan trọng. Hải đăng đảo Thổ Chu được thiết lập vào ngày 25/1/2000, có tầm hiệu lực vào ban đêm là 12 hải lý (22,2 km) và tầm sáng trong phạm vi 140 m. Khi có kênh đào Kra, cụm đảo Thổ Chu nằm rất gần tuyến hàng hải mới này, sẽ có thêm cơ hội phát triển, đồng thời gánh thêm trách nhiệm và thách thức bảo vệ chủ quyền, tài nguyên và môi trường biển thuộc chủ quyền Việt Nam.

Dịch vụ du lịch và nghỉ dưỡng. Thổ Chu có tiềm năng phát triển bền vững du lịch biển - đảo, để du lịch và các dịch vụ kèm theo trở thành ngành mũi nhọn tại địa phương, đóng góp tích cực vào tổ chức hợp lý không gian du lịch trong toàn vùng. Đây là một điểm du lịch sinh thái biển đảo, đầy hứa hẹn, nơi dừng chân cho tàu du lịch viễn dương.

Dịch vụ tìm kiếm cứu nạn và hỗ trợ y tế trên biển. Do nhu cầu khai thác và bảo vệ biển đảo, Thổ Chu có điều kiện để phát triển một trung tâm tìm kiếm cứu nạn, hỗ trợ y tế, kèm theo bên tránh trú gió bão trên biển. Tuy nhiên, cần cấp bách xây dựng khu âu tàu neo trú ổn định cho cả hai mùa gió.

Bảo tồn tự nhiên biển, đảo



Hình 7. Rừng xanh trên đảo Thổ Chu

Thổ Chu là một trong những đảo ven bờ còn bảo tồn khá tốt sinh cảnh tự nhiên và đa dạng sinh học. Theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 45/QĐ-TTg năm 2014 về quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học cả nước đến 2020, định hướng đến 2030, khu bảo

tồn biển thiên nhiên cụm đảo Thổ Chu có diện tích 20.000 ha. Trên đảo có rừng xanh tốt (hình 7), với gần 200 loài thực vật thuộc hơn 80 họ; thảm rừng còn tốt, độ che phủ trên 90% với nhiều cây cổ thụ và cây gỗ lớn. Những loài ưu thế trong quần xã rừng thuộc các họ: Bứa (Clusiaceae), trinh nữ (Fabaceae: Mimosoideae), lim (Myrtaceae) và hồng xiêm (Sapotaceae). Các loài cây konia, cẩm và đa cao tới 30 - 35 m, đường kính 70 - 120 cm. Cây Mai vàng có thể cao tới 12 - 15 m, đường kính 20 - 25 cm. Các cây cổ thụ sót lại của họ cẩm và konia, được coi là *biểu tượng* của đảo.

Trong quần xã thực vật ven biển có cây gỗ lớn là bàng vuông và tung là các loài *đặc trưng* cho Thổ Chu [11]. Động vật trên đảo có các loài như sóc, khỉ, trăn, rắn,... đặc biệt có loài đặc hữu là thằn lằn chân ngón Thổ Chu (*Cyrtodactylus thochuensis*)². Hệ sinh thái rạn san hô ven đảo Thổ Chu (hình 8) gồm 813 loài, trong đó TVPD 110 loài, rong biển 57 loài, ĐVPD 100 loài, san hô 202 loài, động vật đáy 247 loài, cá rạn 97 loài. Hệ sinh thái đáy mềm ven đảo Thổ Chu (đến độ sâu 30 - 40 m) được biết có 791 loài, trong đó thực vật phù du 196 loài, động vật phù du 144 loài, động vật đáy 203 loài, cá biển 240 loài, nguồn giống tôm và cua 8 loài [11].



Hình 8. Rạn san hô bảo tồn rất tốt ven đảo Thổ Chu

GIÁ TRỊ VỊ THẾ ĐỊA-CHÍNH TRỊ Giá trị về chủ quyền, quyền chủ quyền và lợi ích quốc gia trên vùng biển Tây Nam

²ADB, 1999. Draft coastal and marine protected areas plan. Hanoi: Asian Development Bank.

Vị trí địa-chính trị nhạy cảm. Từ đầu thế kỷ XVIII đến trước khi có *đường Brévié* (1939), *cụm đảo Thổ Chu* và toàn bộ các đảo nằm giữa Việt Nam và Campuchia về cả lịch sử và pháp lý đều thuộc chủ quyền của Việt Nam. Phía Campuchia mới chỉ chính thức quản lý các đảo ở phía bắc *đường Brévié* từ năm 1939. Sau đó, tình hình tranh chấp các đảo trong khu vực này diễn biến hết sức phức tạp. Ngày 10/5/1975, chính quyền diệt chủng Pôn Pốt đã đổ quân đánh chiếm đảo Thổ Chu và gây tội ác dã man với hơn 500 thường dân Việt Nam trên đảo. Sau trận chiến quyết liệt vào các ngày 24 đến 27/5/1975, quân đội Việt Nam đã tiêu diệt quân xâm lược và giải phóng đảo. Ngày 7/7/1982, hai nước Việt Nam và Campuchia đã ký Hiệp định về vùng nước lịch sử giữa hai nước, lấy *đường Brévié* 1939 phân chia đảo trong khu vực và sau này sẽ thương lượng để hoạch định đường biên giới trong vùng nước lịch sử. Ngày 24/4/1993, Chính phủ Việt Nam quyết định thành lập xã đảo Thổ Châu. Khi mới thành lập xã chỉ có khoảng chục hộ, đến nay đã dần có cơ sở hạ tầng khá phát triển, dân cư đông đúc, sinh sống nhờ các hoạt động đánh bắt và dịch vụ nghề cá, tiêu thụ công, trồng trọt và chăn nuôi. Với vị trí địa-chính trị nhạy cảm và tầm quan trọng về kinh tế biển đảo, ngày 22/10/2014, tại Kỳ họp thứ 13, HĐND tỉnh Kiên Giang khoá VIII đã thông qua tờ trình về việc thành lập huyện đảo Thổ Châu, trên cơ sở toàn bộ xã đảo Thổ Châu hiện tại, với các điều kiện cơ bản: Diện tích tự nhiên 1.395 ha, trong đó đất nông nghiệp 61,79 ha, đất phi nông nghiệp 1.245,2 ha, đất ở 8,32 ha, đất chuyên dùng 1.236,88 ha; dân số 518 hộ với 1.912 người.

Giá trị khẳng định và mở rộng chủ quyền quốc gia trên biển. Trong tuyên bố của Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam ngày 12/11/1982, hòn Nhạn (hình 9) thuộc cụm đảo Thổ Chu (rộng khoảng 6,45 ha, cao 25 m, tọa độ 9°15'B - 103°27'Đ) là điểm đầu tiên và xa bờ nhất trong hệ thống 11 điểm của đường cơ sở.

Bên trong đường cơ sở thẳng nối 11 điểm nêu trên là vùng nội thủy, Việt Nam có chủ quyền hoàn toàn, đầy đủ và tuyệt đối như trên lãnh thổ đất liền, sau đó vùng lãnh hải rộng 12 hải lý và vùng đặc quyền kinh tế rộng 200 hải lý tính từ đường cơ sở, với lợi ích lớn về hải

sản, dầu khí, giao thông,... và đặc biệt về an ninh và quốc phòng.



Hình 9. Hòn Nhạn - Điểm A1 trong hệ thống đường cơ sở

Theo hiệp định giữa Việt Nam và Thái Lan ngày 9/8/1997 về phân định ranh giới hai nước trên vịnh Thái Lan, Thổ Chu được hưởng 70% hiệu lực trong phân định lãnh hải và vùng đặc quyền kinh tế [22].

Giá trị về đảm bảo an ninh quốc phòng

Một cứ điểm quân sự vững chắc ở vùng biển Tây Nam giữa vịnh Thái Lan. Từ bài học lịch sử về cuộc xâm lăng của bọn diệt chủng Pôn Pốt ngày ngày 10/5/1975, việc xây dựng một cứ điểm quân sự mạnh tại cụm đảo Thổ Chu là hết sức quan trọng. Đảo Thổ Chu có diện tích lớn, mặt bằng rộng, rừng cây xanh tốt, bờ đảo đá góc dốc đứng, lại có các vụng kín neo đậu, bãi cát đỏ quân - xuất quân, lại có nhiều đảo vệ tinh xa - gần hỗ trợ nên rất lợi thế về xây dựng cứ điểm phòng thủ tập trung và liên hoàn, vững chắc. Cứ điểm này góp phần duy trì hòa bình, ổn định và phát triển vùng biển và ven biển Việt Nam trên vịnh, ngăn chặn kịp thời và có hiệu quả các hoạt động xâm phạm chủ quyền và lợi ích quốc gia trên biển và góp phần ngăn chặn nạn cướp biển rất phức tạp ở các vùng nước gần các tuyến hàng hải quốc tế.

Một mắt xích quan trọng trong phòng tuyến các đảo trên vùng biển Tây Nam. Các đảo ven bờ Nam Bộ gồm phần phía đông có 30 đảo với diện tích 80,13 km² và phần phía tây trong vịnh Thái Lan có 165 đảo với tổng diện tích 613,34 km². Chúng được phân thành 11 cụm: Côn Đảo, Hòn Khoai, Thổ Chu, Nam Du, Hòn Rái, Hòn Tre, Hòn Nghệ, Bà Lụa, Hải Tặc, An Thới và Phú Quốc. Trong đó, 9 cụm sau thuộc Kiên

Giang. Theo đặc điểm phân bố, trong mỗi quan hệ chức năng kinh tế với chức năng quốc phòng, chúng được chia thành 3 lớp: Lớp đảo tiền tiêu - biên giới (Hải Tặc, Phú Quốc, An Thới và Thổ Chu); lớp đảo tiền tiêu (Hòn Khoai, Côn Đảo) và lớp đảo, cụm đảo tuyến trong (Nam Du, Hòn Rái, Hòn Tre, Hòn Nghệ, Bà Lụa) [8]. Cụm đảo nằm xa bờ nhất trong lớp đảo tiền tiêu - biên giới, nên trở thành mắt xích trọng yếu nhất.

Trạm gác, tháp canh tiền tiêu và bao quát rộng lớn trên vùng biển Tây Nam và cơ sở hậu cần và vị trí trung chuyển cho các hoạt động tác chiến xa bờ. Từ Thổ Chu có thể kiểm soát hầu hết các tàu đi lại trong vịnh có liên quan đến bốn nước. Cụm đảo là vị trí có tầm quan trọng đặc biệt kiểm soát các hoạt động đảm bảo chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán của Việt Nam tại vùng nước lịch sử giáp ranh với Campuchia (Hiệp định năm 1982), đường phân giới trên vịnh với Thái Lan (Hiệp định năm 1997) và vùng biển chồng lấn với Malaysia rộng 2.800 km² gần cửa vịnh Thái Lan (văn bản thoả thuận hợp tác khai thác chung vùng chồng lấn, ký kết với Malaysia năm 1992). Với vị trí tại điểm cực Tây của hệ thống đảo ven bờ Việt Nam, gần giữa vịnh Thái Lan, cụm đảo có chức năng tự nhiên và có lợi thế để thực hiện nhiệm vụ an ninh chủ quyền và bảo vệ môi trường trên vùng biển Tây Nam rộng lớn. Thổ Chu nằm ở vị trí cửa ngõ của Kiên Giang và Cà Mau, bảo vệ bao quát dải bờ biển dài 200 km của hai tỉnh này. Những điều kiện thuận lợi về vị trí, về tiềm năng bến bãi nêu trên cùng với diện tích đảo đủ lớn, rất thuận lợi cho Thổ Chu phát triển thành cơ sở hậu cần và vị trí trung chuyển cho các hoạt động tác chiến xa bờ.

KẾT LUẬN

Cụm đảo Thổ Chu, mà tâm điểm là đảo Thổ Chu có tiềm năng tài nguyên vị thế lớn về tất cả các giá trị địa-tự nhiên, địa-kinh tế và địa-chính trị, hội tụ đủ điều kiện và có khả năng đảm trách đầy đủ các chức năng của một đơn vị hành chính cấp huyện ở vùng biển cực Tây Nam của Tổ quốc, gần giữa vịnh Thái Lan.

Tài nguyên địa tự nhiên quý giá có được cơ bản nhờ các yếu tố hình thái, diện tích, cấu tạo các đảo, khả năng tiếp cận đảo, sự ổn định về động lực, ít thiên tai, cũng như nguồn tài

nguyên thiên nhiên tại chỗ trên đảo và ven đảo phong phú cho phép định cư ổn định lâu dài một lượng dân số đáng kể và xây dựng cơ sở hạ tầng khai thác, bảo vệ vùng biển đảo.

Tài nguyên địa-kinh tế to lớn của cụm đảo, không chỉ từ nguồn tại nguyên tại chỗ để phát triển nghề cá và du lịch, mà chính là quan hệ không gian trên biển với các ngư trường, bể dầu khí, các tuyến hàng hải để tạo ra các sản phẩm dịch vụ có giá trị.

Tài nguyên địa-chính trị giá trị rất lớn của cụm đảo nhờ nằm trên tuyến tiền tiêu-biên giới, mang lại các lợi ích về mở rộng chủ quyền và đảm bảo lợi ích quốc gia trên biển, phòng thủ vững chắc và giám sát hiệu quả một vùng biển rộng lớn trên vịnh Thái Lan, bao gồm các vùng chủ quyền, vùng nước lịch sử và vùng chồng lấn trên vịnh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Đức Thạnh, Trần Đình Lân, Nguyễn Hữu Cừ, 2009. Tài nguyên vị thế biển Việt Nam: Định dạng, tiềm năng và định hướng phát huy giá trị. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ biển*, 9(Phụ trương 1), 1-17.
2. Trần Đức Thạnh, Lê Đức An, Nguyễn Hữu Cừ, Trần Đình Lân, Nguyễn Văn Quân, Tạ Hòa Phương, 2012. Biển đảo Việt Nam - Tài nguyên vị thế và những kỳ quan địa chất, sinh thái tiêu biểu. *Nxb. Khoa học Tự nhiên và Công nghệ. Hà Nội*. 324 tr.
3. Trần Đức Thạnh, 2007. Một số dạng tài nguyên vị thế biển Việt Nam. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ biển*, 7(4), 80-93.
4. Lê Đức An, Ưông Đình Khanh, Trần Đức Thạnh, Võ Thịnh, 2011. Tài nguyên vị thế hệ thống cửa sông Việt Nam. *Tài nguyên và Môi trường biển*. Tập XVI. *Nxb. Khoa học Tự nhiên và Công nghệ. Hà Nội*. Tr. 20-28.
5. Trần Đức Thạnh, Lê Đức An, Trịnh Thị Minh Trang, 2014. Vùng cửa sông ở Hải Phòng - Tài nguyên vị thế và tiềm năng phát triển. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ biển*, 14(2), 110-121.
6. Trịnh Thị Minh Trang, Nguyễn Thị Nguyệt Hà, Trần Đức Thạnh, 2015. Tài nguyên vị thế vùng bờ Khánh Hòa: Tiềm năng và triển vọng. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ biển*, 15(1), 13-24.

7. Trần Đức Thanh, Lê Đức An, 2012. Tài nguyên vị thế tự nhiên đảo Bạch Long Vĩ. *Tạp chí Các Khoa học về Trái đất*, **34**(4), 477-485.
8. Lê Đức An, Ưông Đình Khanh, Nguyễn Ngọc Thành, 2009. Tài nguyên vị thế các đảo ven bờ Nam Bộ với vấn đề an ninh quốc phòng và phát triển kinh tế - xã hội. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ biển*, **9**(4), 77-87.
9. Arrowsmith, J., 1832. Burma, Siam and Cochin China. In: World Atlas. Scale 1:4.600.000. 35, Essex Street, Strand, London.
10. Lê Đức An, 2008. Hệ thống đảo ven bờ Việt Nam - Tài nguyên và phát triển. *Nxb. Khoa học Tự nhiên và Công nghệ. Hà Nội*. 199 tr.
11. Trần Đình Lan, Nguyễn Thị Minh Huyền, Nguyễn Thị Thu và nnk., 2016. Lượng giá kinh tế các hệ sinh thái biển - đảo tiêu biểu phục vụ phát triển bền vững một số đảo tiền tiêu ở vùng biển ven bờ Việt Nam". Mã số đề tài: KC.09.08/11-15. Tuyển tập kết quả nổi bật các đề tài KH&CN KC.09/11-15. Tập 2. *Nxb. Khoa học Tự nhiên và Công nghệ. Hà Nội*. Tr. 921-994.
12. Phạm Bá Trung, 2016. Đặc điểm địa hình đáy và trầm tích tầng mặt vùng biển quần đảo Thổ Chu. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ biển*, **16**(2), 136-143.
13. Fontaine, H., 1967. Note sur l'archipel de Tho-Chau. *Archives Geology Vietnam*, **10**, 17-22.
14. Trần Đức Lương, Nguyễn Xuân Bao (chủ biên), 1988. Bản đồ địa chất Việt Nam tỷ lệ 1:500.000. *Tổng cục Mô và Địa chất, Hà Nội*.
15. Nguyễn Ngọc Hoa (chủ biên), 1996. Bản đồ địa chất và khoáng sản Việt Nam tỷ lệ 1:200.000; loạt tờ đồng bằng Nam Bộ: tờ Phú Quốc - Hà Tiên. *Cục Địa chất Việt Nam, Hà Nội*.
16. Bùi Phú Mỹ, Trần Hồng Linh, Khiếu Văn Giáp, Hoàng Đình Khảm, 2002. Các trầm tích màu đỏ ở cụm đảo Thổ Chu, tỉnh Kiên Giang. *Tạp chí Địa chất*, A/268: 9-14.
17. Bùi Công Quế (chủ biên), 2010. Nguy hiểm động đất và sóng thần ở Việt Nam. *Nxb. Khoa học Tự nhiên và Công nghệ. Hà Nội*. 313 tr.
18. Đỗ Ngọc Quỳnh (chủ biên), 2013. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên vùng biển Tây Nam Việt Nam. *Nxb. Khoa học Tự nhiên và Công nghệ. Hà Nội*. 288 tr.
19. Lê Đức Tô (chủ biên), Hoàng Trọng Lập, Trần Công Trục, Nguyễn Quang Vinh, 2004. Quản lý biển. *Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội*. 204 tr.
20. Phạm Thuộc, 2007. Cơ sở khoa học của việc bảo tồn đa dạng sinh học vùng biển Tây Nam Bộ. *Nxb. Nông nghiệp. Hà Nội*. 175 tr.
21. Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, 2011. Lịch sử ngành dầu khí Việt Nam (đến năm 2010) - Chương 7: Hoạt động thăm dò và khai thác. *Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật. Hà Nội*. Tr. 221-401.
22. Lưu Văn Lợi, 2007. Những điều cần biết về Đất, Biển, Trời Việt Nam. *Nxb. Thanh Niên. Hà Nội*, 303 tr.

POSITION RESOURCES OF THO CHU ISLAND GROUP, SOUTHERN VIETNAM

**Nguyen Dac Ve, Tran Duc Thanh, Tran Dinh Lan,
Bui Van Vuong, Nguyen Thi Minh Huyen**

Institute of Marine Environment and Resources, VAST

ABSTRACT: Located near center of the Gulf of Thailand, the Tho Chu island group is approximately far 160 km from Ca Mau southwestwards, and 100 km from Phu Quoc island northwestwards. This group consists of 8 islands, of which the largest Tho Chu island is of 12.15

km² wide and 167 m high, and composes of clastic sedimentary rocks. Despite the greatest distance from the coast, this coastal island group has the characteristics of geological structure, morphology, spatial structure, area, height, ecological landscape, dynamics and stability of natural processes that create the great value of geo-natural position resources and favorable residential environment. Regarding value of geo-economic position resources, the island group belongs to Phu Quoc district, but it meets the good conditions to become a district-level administrative unit belonging to Kien Giang province. This is a priority site for sea-island economic development, the island group has a great potential to develop the marine economic sectors such as fisheries, natural conservation, tourism and other important services such as oil and gas extraction, navigation and search-rescue at sea. In terms of value of geo-political position resources, this island group includes Hon Nhan islet as the basic point of A1, so has the great value for Vietnam's sovereignty, sovereign rights and interests in the Gulf of Thailand. Situating in the politically high sensitive region, the island group possesses the high value on the defense, could develop into a firmly military outpost contributing to national defense and security at sea.

Keywords: Island group of Tho Chu, position resources, geo-natural position, geo-economic position, geo-political position.